TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/DS-ST.
Ngày: 11/10/2018.
V/v: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Ngọc Lợi**.
2. Bà **Dư Mỹ Linh**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phan Đình Nguyên –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Thúy An** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 9 năm 2018.

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower số 109, đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Doãn S – Chức vụ : Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T - Chức vụ phó giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B – phòng giao dịch huyện G (Có mặt)

Bị đơn: Anh Phan Trường G - Sinh năm: 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B, người đại diện theo ủy quyền ông Trần Quốc T trình bày: Vào ngày 01/8/2016 giữa Ngân hàng và anh G có thỏa thuận ký kết hợp đồng vay vốn số 4237/2016/KG/HĐTD với số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng, lãi suất cho vay ban đầu là 12.5%/năm, thời hạn vay là 34 tháng, hình thức trả góp gốc và lãi hàng tháng với hình thức vay tín chấp. Sau khi nhận số tiền trên, anh G có trả góp gốc và lãi cho Ngân hàng đến ngày 22/5/2018 thì không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng. Tính đến nay số dư nợ gốc còn lại là 83.700.000 đồng, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc

nhở anh G trả nợ nhưng anh G cho rằng không có khả năng. Nhận thấy anh G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng Thương mại cổ phần B yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng tín dụng với anh G, buộc anh G phải trả số tiền vay gốc là 83.700.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 11/10/2018 là 11.481.963 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu anh G còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tính từ ngày 12/10/2018 cho đến khi anh G trả xong nợ. Ngân hàng không đồng ý với cách thức trả nợ góp mỗi tháng là 2.000.000 đồng theo ý kiến của anh G.

Tại bản khai và tại phiên Tòa bị đơn anh Phan Trường G trình bày: Anh thừa nhận người đại diện ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần B trình bày về ngày vay, số hợp đồng vay, số tiền vay gốc, số tiền đã trả góp là đúng. Anh đồng ý đến nay còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 83.700.000 đồng, tiền lãi 11.481.963 đồng và chấp nhận trả khoản lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Nhưng đối với khoản nợ gốc và lãi trên anh G xin được tiếp tục trả góp gốc và lãi mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả dứt điểm số nợ trên.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và các đương sự trong vụ án được thực hiện đúng trình tự thủ tục do pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết là tự nguyện, lãi suất thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Tính đến nay chưa hết hạn thực hiện hợp đồng nhưng do anh G vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nên đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc buộc anh G phải trả số nợ gốc là 83.700.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tính đến ngày xét xử là 11.481.963 đồng là có căn cứ đề nghị chấp nhận

Về án phí: Buộc anh G phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu anh Phan Trường G giao trả số tiền vay gốc 83.700.000 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày 11/10/2018 là 11.481.963 đồng nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3 - Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh G có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại Khoản 1 - Điều 35; điểm a – Khoản 01 – Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc buộc anh Phan Trường G giao trả số tiền gốc là 83.700.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 11/10/2018 là 11.481.963 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 95.181.963 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu anh G phải thanh toán khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày 12/10/2018 cho đến khi anh G thanh toán xong nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện trên của Ngân hàng Thương mại cổ phần B, xét thấy quá trình hòa giải cũng

như tại phiên Tòa hôm nay anh G cũng đã thừa nhận còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền vay gốc và lãi trên, anh G đồng ý trả nhưng xin được trả hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, cách thức thanh toán nợ trên của anh G không được phía Ngân hàng đồng ý nên cách thức thanh toán nợ sẽ do Chi cục thi hành án quyết định khi án có hiệu lực pháp luật. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ buộc anh G phải giao trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 95.181.693 đồng (Tạm tính đến ngày 11/10/2018) là hoàn toàn phù hợp với các quy định tại Khoản 4 – Điều 11; Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, anh G còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày 12/10/2018 cho đến khi trả dứt khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B

[3] Về án phí:

- Về án phí: Áp dụng Khoản 1 - Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 - Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 95.181.963 đồng x 5% = 4.759.098 đồng.

Do yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B được chấp nhận nên anh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.759.098. đồng (làm tròn là 4.759.000 đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.238.000 đồng theo biên lai thu tiền số 7146 ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 – Điều 26; điểm a - Khoản 1 - Điều 35; điểm a - Khoản 1 - Điều 39; Khoản 1 - Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 - Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào Khoản 4 – Điều 11; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B, buộc anh Phan Trường G giao trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền nợ gốc là 83.700.000 đồng (Tám mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng) và nợ lãi tạm tính đến ngày 11/10/2018 là 11.481.963 đồng. (Mười một triệu, bốn trăm tám mươi mốt nghìn, chín trăm sáu mươi ba đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 95.181.963 đồng (Chín mươi lăm triệu, một trăm tám mươi mốt nghìn, chín trăm sáu mươi ba đồng).

Buộc anh G còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày 12/10/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ theo thông báo của Ngân hàng.

2.Về án phí: Buộc anh G nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 4.759.000 đồng (Bốn triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.238.000 đồng (Hai triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn đồng)

theo biên lai thu tiền số 7146 ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 11/10/2018)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Cẩm Hương